

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2019/DS-ST

Ngày 26 - 11 - 2019

“V/v tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Võ Hồng N, sinh năm 1964;

2. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông T: Anh Nguyễn Dương L, sinh năm 1994; (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lâm Thu T;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lâm Thu T có tham gia các dây hụi do bà N và ông T làm đầu thảo, cụ thể như sau:

+ Dây hụi mở ngày 15/9/2014 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 29 phần, bà T tham gia 01 phần. Đến ngày 15/10/2014 âl, bà T bỏ hụi hốt lĩnh được 17.860.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 15/01/2017 âl.

+ Dây hụi mở ngày 30/7/2015 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 34 phần, bà T tham gia 01 phần. Đến ngày 30/12/2015 âl, bà T bỏ hụi hốt lĩnh được 20.640.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 30/4/2018 âl.

+ Dây hụi mở ngày 30/6/2016 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 27 phần, bà T tham gia 01 phần. Đến ngày 30/10/2016 âl, bà T bỏ hụi hốt lĩnh được 18.140.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 30/8/2018 âl.

Tổng các chung hụi bà T nợ là 57.500.000 đồng. Sau đó, bà T có gửi trả được bốn lần với số tiền 13.300.000 đồng và còn nợ lại 44.200.000 đồng. Bà N và ông T đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền này nhưng bà T không thực hiện việc trả nợ. Nay, anh L yêu cầu bà T trả cho bà N và ông T số tiền hụi còn nợ là 44.200.000 đồng.

* Đối với bà Lâm Thu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà T không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T. Buộc bà Lâm Thu T trả cho bà N và ông T số tiền hụi 44.200.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm bà N và ông T không phải chịu; bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với bà Lâm Thu T: Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ tổng đạt đã đến địa chỉ nơi các đương sự có hộ khẩu để tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng đương sự không có ở địa phương nên Tòa án không thực hiện việc tổng đạt trực tiếp theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là thuộc trường hợp các đương sự không thông báo cho Tòa án biết việc thay đổi địa chỉ nên Tòa án

thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Bà T được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo danh sách hội do bà N và ông T cung cấp thể hiện bà T có tham gia hội trong các dây hội, 01 chung loại hội 1.000.000 đồng mở ngày 15/9/2014 âl, 01 chung loại hội 1.000.000 đồng mở ngày 30/7/2015 âl và 01 chung loại hội 1.000.000 đồng mở ngày 30/6/2016 âl do bà N và ông T làm chủ hội là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày cũng như trình bày của bà N và ông T tại đơn khởi kiện xác định tổng các khoản nợ hội bà T nợ đến khi mãn hội là 57.500.000 đồng, bà T đã trả được 13.300.000 đồng và còn thiếu lại 44.200.000 đồng; đối với bà T, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà T nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà T không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và ông T. Cũng như, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”.

Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 18/10/2019 do Tòa án thu thập đối với chị Lê Ngọc T (BL 38,39), bà Huỳnh Thị H (BL 36,37), ông Lê Văn N (BL 34,37) và chị Nguyễn Yến P (BL 32,33) là những hội viên cùng bà T tham gia trong các dây hội xác định, bà T có tham gia hội do bà N và ông T làm chủ và trong quá trình tham gia hội, bà T đã hốt các chung hội này.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định bà T có tham gia hội của bà N và ông T và còn nợ lại bà N và ông T số tiền 44.200.000 đồng, nên yêu cầu của bà N và ông T là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà N và ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T. Buộc bà Lâm Thu T trả cho bà N và ông T số tiền hui là 44.200.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà N và ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T không phải, hoàn trả lại cho bà N và ông T 533.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0009651 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Lâm Thu T phải chịu 2.210.000 đồng (hai triệu hai trăm mười nghìn đồng), bà T chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bà N và ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng